

Số: /TTr-UBND

Thiệu Trung, ngày tháng năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc **thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật**  
**công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung**

Kính gửi: Phòng Kinh tế

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc Hội; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư: số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và đo bóc khối lượng;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-BXD ngày 11/4/2025 của Bộ Xây dựng về việc Công bố Suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-SXD ngày 29/7/2022 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc Sửa đổi khu vực để tính đơn giá nhân công tại Quyết định số 391/QĐ-SXD ngày 14/5/2025 của Sở Xây dựng về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 727/QĐ-SXD ngày 26/01/2022 của Sở Xây dựng Thanh Hóa Về việc Công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Thiệu Trung về chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung;

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, dự toán chi phí khảo sát lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung;

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 về việc chỉ định thầu Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của UBND xã Thiệu Trung về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 về việc chỉ định thầu Gói thầu số 02: Tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng và dự toán công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 05/BC-TTr ngày 17/4/2026 của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại Tuấn Khải về việc tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng và dự toán công trình, dự án: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung.

Chủ đầu tư (UBND xã Thiệu Trung) trình phòng Kinh tế thẩm định, trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung, với những nội dung như sau:

## **I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung.
2. Nhóm dự án: Nhóm C
3. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.
4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Thiệu Trung.
5. Tên Chủ đầu tư: UBND xã Thiệu Trung.
6. Địa điểm xây dựng: Xã Thiệu Trung.
7. Giá trị tổng mức đầu tư (làm tròn): **2.143.000.000 đồng.**
8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã từ nguồn sự nghiệp giáo dục và các nguồn huy động hợp pháp khác
9. Thời gian thực hiện dự án: năm 2026.
10. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinasas
12. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại Tuấn Khải
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Theo Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Thiệu Trung về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, dự toán chi phí khảo sát lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI TRÌNH THẨM ĐỊNH**

### **1. Nội dung, giải pháp thiết kế:**

- 1.1. Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng.

- Cạo bỏ lớp sơn tường, trần ô cầu thang, mặt phía trước ngoài nhà và hai đầu hồi. Sơn lại bằng sơn 1 nước lót 2 nước phủ.

- Tháo dỡ mái tôn chống nóng hiện trạng, sơn lại xà gồ U80x40x3mm hiện trạng bằng sơn chống gỉ. Lợp thay thế mái tôn bằng tôn múi dày 0.4mm.

- Xử lý chống thấm Sê nô mái: Vệ sinh bề mặt, quét dung dịch chống thấm chuyên dụng, vén thành 20cm. Láng bằng vữa xi măng M75 dày 2cm, trát vén thành bằng vữa xi măng M75 dày 1,5cm cao 20cm. Làm mới hệ thống thoát nước mái bằng ống PVC D90, rọ chắn rác DN100 chất liệu inox.

- Phần cửa: Tháo dỡ cửa đi, cửa sổ thay thế bằng cửa nhôm hệ 55 vát cạnh, kính dày 6,38mm; Thay mới hoa sắt cửa sổ bằng thép hộp 13x26x1.1mm sơn tĩnh điện màu trắng.

- Thay thế hệ thống điện toàn nhà; Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nguồn điện hiện có trong khu vực cấp đến tủ điện tổng đặt tại gầm cầu thang tầng 1 bằng cáp Cu/XLPE/PVC 2x16mm<sup>2</sup> hiện trạng đến hộp điện tổng đặt tại tầng 1; phân phối đến tủ điện tổng tầng 02 bằng cáp Cu/XLPE/PVC 2x6mm<sup>2</sup>; sau đó phân phối đến các tủ điện phòng bằng dây dẫn Cu/PVC/(2x6)mm<sup>2</sup>. Từ tủ điện phòng cấp điện cho các thiết bị bằng dây dẫn điện mềm: loại dây Cu/PVC 2x1,5m<sup>2</sup> cho thiết bị chiếu sáng, quạt trần, quạt treo tường và cho ổ cắm dùng CU/PVC 2x2,5mm<sup>2</sup>. Dây dẫn được luồn các ống gen D16, D20 bảo vệ đi nổi trên trần và tường. Toàn bộ hệ thống điện được nối đất an toàn bằng hệ thống cọc tiếp địa và dây tiếp địa.

- Thay mới hệ thống chống sét máu đến vị trí đầu nổi với hệ thống tiếp địa hiện trạng. Kim thu sét thép D16 dài 1,0m; dây dẫn sét thép D10. Kết nối giữa dây dẫn sét xuống cọc tiếp địa hiện trạng, sử dụng các mối hàn nối chuyên dụng, đảm bảo cho hệ thống kim, lưới thu sét trên mái và hệ thống nối đất được liên tục về điện.

## 1.2. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 04 phòng.

- Cạo bỏ lớp sơn tường, trần ô cầu thang, mặt phía trước ngoài nhà và hai đầu hồi. Sơn lại bằng sơn 1 nước lót 2 nước phủ.

- Tháo dỡ mái tôn chống nóng hiện trạng, sơn lại xà gồ U80x40x3mm hiện trạng bằng sơn chống gỉ. Lợp thay thế mái tôn bằng tôn múi dày 0.4mm.

- Xử lý chống thấm Sê nô mái: Vệ sinh bề mặt, quét dung dịch chống thấm chuyên dụng, vén thành 20cm. Láng bằng vữa xi măng M75 dày 2cm, trát vén thành bằng vữa xi măng M75 dày 1,5cm cao 20cm. Làm mới hệ thống thoát nước mái bằng ống PVC D90, rọ chắn rác DN100 chất liệu inox.

- Phần cửa: Tháo dỡ cửa đi, cửa sổ thay thế bằng cửa nhôm hệ 55 vát cạnh, kính dày 6,38mm; Thay mới hoa sắt cửa sổ bằng thép hộp 13x26x1.1mm sơn tĩnh điện màu trắng.

- Thay thế hệ thống điện toàn nhà; Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nguồn điện hiện có trong khu vực cấp đến tủ điện tổng đặt tại gầm cầu thang tầng 1 bằng cáp Cu/XLPE/PVC 2x16mm<sup>2</sup> hiện trạng đến hộp điện tổng đặt tại tầng 1; phân phối đến tủ điện tổng tầng 02 bằng cáp Cu/XLPE/PVC 2x6mm<sup>2</sup>; sau đó phân phối đến các tủ điện phòng bằng dây dẫn Cu/PVC/(2x6)mm<sup>2</sup>. Từ tủ điện phòng cấp điện cho các thiết bị bằng dây dẫn điện mềm: loại dây Cu/PVC 2x1,5m<sup>2</sup> cho thiết bị chiếu sáng, quạt trần, quạt treo tường và cho ổ cắm dùng

CU/PVC 2x2,5mm<sup>2</sup>. Dây dẫn được luồn các ống gen D16, D20 bảo vệ đi nổi trên trần và tường. Toàn bộ hệ thống điện được nối đất an toàn bằng hệ thống cọc tiếp địa và dây tiếp địa.

- Thay mới hệ thống chống sét mấu đến vị trí đầu nổi với hệ thống tiếp địa hiện trạng. Kim thu sét thép D16 dài 1,0m; dây dẫn sét thép D10. Kết nối giữa dây dẫn sét xuống cọc tiếp địa hiện trạng, sử dụng các mối hàn nối chuyên dụng, đảm bảo cho hệ thống kim, lưới thu sét trên mái và hệ thống nối đất được liên tục về điện.

## **2. Tổng mức đầu tư trình thẩm định, phê duyệt:**

- Căn cứ lập tổng mức đầu tư:

+ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

+ Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;

+ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

+ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

+ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

+ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

+ Quyết định số Quyết định số 822/QĐ-SXD ngày 29/7/2022 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc Sửa đổi khu vực để tính đơn giá nhân công tại Quyết định số 391/QĐ-SXD ngày 14/5/2025 của Sở Xây dựng về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 727/QĐ-SXD ngày 26/01/2022 của Sở Xây dựng Thanh Hóa Về việc Công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

+ Công văn số 3651/SXD-KTVL ngày 12/4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc Công bố thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa Quý I năm 2026;

+ Các Văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

- Về khối lượng: Khối lượng được khảo sát, tính toán và lập theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Công ty TNHH Đầu tư xây dựng VinaSa lập.

- Tổng mức đầu tư trình thẩm định: **2.143.000.000 đồng** (Hai ý, một trăm bốn mươi ba triệu đồng).

Trong đó:

- |                                   |               |       |
|-----------------------------------|---------------|-------|
| - Chi phí xây dựng:               | 1.771.090.631 | đồng; |
| - Chi phí Quản lý dự án:          | 61.032.000    | đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 187.133.000   | đồng; |
| - Chi phí khác:                   | 31.473.879    | đồng; |
| - Chi phí dự phòng:               | 92.270.328    | đồng. |

### **III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

#### **1. Văn bản pháp lý:**

- Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Thiệu Trung về chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung;

- Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, dự toán chi phí khảo sát lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung;

- Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 về việc chỉ định thầu Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung;

- Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của UBND xã Thiệu Trung về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung;

- Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 về việc chỉ định thầu Gói thầu số 02: Tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng và dự toán công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung;

- Báo cáo thẩm tra số 05/BC-TTr ngày 17/4/2026 của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại Tuấn Khải về việc tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng và dự toán công trình, dự án: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung.

**2. Hồ sơ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và dự toán xây dựng công trình:** hồ sơ khảo sát, Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thuyết minh, các văn bản pháp lý.

#### **3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:**

##### **3.1. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:**

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Vinasa có 07 năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng Tư vấn xây dựng, có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802812867 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 05/12/2019.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: HAP-00042559 ngày 02/07/2020 của Sở Xây dựng Hải Phòng cấp có giá trị đến hết ngày 02/07/2030; Trong đó năng lực các lĩnh vực liên quan đến dự án chi tiết như sau:

+ Thiết kế, thẩm tra TK/Dân dụng/Hạng II

- Năng lực các cá nhân tham gia: (có hồ sơ năng lực kèm theo)

##### **3.2. Nhà thầu tư vấn thẩm tra:**

- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại Tuấn Khải có 03 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn giám sát, thi công xây dựng có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2803058931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 08/02/2023.

- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại Tuấn Khải có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng HCM-00078559 ngày 23/02/2024 của Sở Xây dựng thành phố HCM cấp có hiệu lực đến ngày 23/2/2034; Trong đó năng lực các lĩnh vực liên quan đến dự án chi tiết như sau: Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng/Hạng III;

- Năng lực các cá nhân tham gia: (có hồ sơ năng lực kèm theo)

Chủ đầu tư (UBND xã Thiệu Trung) trình phòng Kinh tế thẩm định, trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung với các nội dung nêu trên./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT.

**CHỦ ĐẦU TƯ**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND**  
**Trần Ngọc Tùng**

**BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**  
**Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thiệu Trung, xã Thiệu Trung**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>				<b>1.639.898.732</b>	<b>131.191.899</b>	<b>1.771.090.631</b>	<b>Gxd</b>
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				1.639.898.732	131.191.899	1.771.090.631	
1.1.1	XÂY DỰNG		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	1.639.898.732	131.191.899	1.771.090.631	
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>3,446%</b>		<b>Gxd trước thuế x tỷ lệ</b>	<b>56.510.910</b>	<b>4.520.873</b>	<b>61.032.000</b>	<b>Gqlda</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>				<b>173.271.599</b>	<b>13.861.728</b>	<b>187.133.000</b>	<b>Gtv</b>
3.1	Chi phí khảo sát địa hình			Theo QĐ số: 167/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	11.800.926	944.074	12.745.000	
3.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng			Theo QĐ số: 167/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	327.778	26.222	354.000	
3.3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3a Thông tư 08/2025/TT-BXD)			Theo QĐ số: 167/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	96.868.519	7.749.481	104.618.000	
3.4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)			Theo QĐ số: 167/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	9.958.333	796.667	10.755.000	
3.5	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	53.870.673	4.309.654	58.180.000	
3.6	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng (Bảng 2.23 Thông tư 12/2021/TT-BXD)			Theo QĐ số: 167/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	445.370	35.630	481.000	
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>29.827.677</b>	<b>1.645.824</b>	<b>31.473.879</b>	<b>Gk</b>
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	0,57%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	5.754.879		5.754.879	
4.3	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	0,96%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	20.572.798	1.645.824	22.219.000	

4.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	3.000.000		3.000.000	
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>						<b>92.270.328</b>	<b>Gdp</b>
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	4,5%		(Gxd+Gqlđa+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			92.270.328	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.899.508.918</b>	<b>151.220.324</b>	<b>2.142.999.838</b>	<b>Gxdct</b>
	<b>Làm tròn</b>						<b>2.143.000.000</b>	